

THỬ TÌM HIỂU GIÁ TRỊ LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN *DI CHÚC* CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

◆ PGS. TS. PHẠM VĂN TÌNH

◆ TS. TRỊNH THANH HÀ

D*i chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và nhân dân ta là một văn bản rất đặc biệt. Nó không đơn thuần là một “chức thư” vẫn được hiểu trong dân gian từ trước đến nay. Di chúc của người xưa là lời dặn dò gửi lại cho người thân (thường là vợ, chồng, con, cháu...) của ai đó trước khi mất. Nhiều di chúc chủ yếu truyền dặn con cháu “hậu duệ” việc phân chia, thừa kế gia sản hay trăng trối những mong muốn cuối cùng (cũng vì thế mà đối tượng cần nhắc gửi ít, hạn chế trong phạm vi hẹp, thậm chí giữ kín và chỉ cho người khác có liên quan đến nội dung bản di chúc biết sau khi người viết di chúc qua đời). *Di chúc* của Bác, ngoài việc thể hiện những tình cảm của Người đối với toàn Đảng, toàn dân tộc, Người còn gửi gắm, truyền đạt những tư tưởng, suy nghĩ, tâm nguyện thiết tha cháy bỏng về một loạt những vấn đề hệ trọng của đất nước: về Đảng, về Tổ quốc và Nhân dân, về cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, về vấn đề đoàn kết giữa các lực lượng trong nước và quốc tế, về thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam... Đó là “những tình cảm và niềm tin của Bác đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau”¹. Như vậy, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt ra ngoài khuôn khổ đơn thuần là “lời dặn

lại trước lúc lâm chung” như cách hiểu thông thường. *Di chúc* của Bác là một văn kiện lịch sử, thể hiện cô đọng nhất những tư tưởng, quan điểm của Bác về những vấn đề liên quan đến sự nghiệp cách mạng lâu dài của dân tộc ta. Bản *Di chúc* được viết từ một lãnh tụ, nhà tư tưởng, một nhân cách văn hoá lớn... nên kết tinh nhiều giá trị, trở thành một “thông điệp” mang tính thời đại. Xét về mặt văn bản học, *Di chúc* của Bác là một luận văn đậm phong cách chính luận, rất đáng nghiên cứu từ góc độ phong cách học văn bản.

Mặc dù *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được khởi thảo từ ngày 15.5.1965 nhưng sau đó được viết, sửa lại, bổ sung thêm 3 lần nữa và kết thúc ngày 10.5.1969. Viết trong khoảng thời gian 4 năm nhưng tựu trung bản *Di chúc* vẫn là một văn bản nhất quán, mạch lạc và có bố cục chặt chẽ. Đây cũng là cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam sắp xếp lại và công bố thành bản *Di chúc* năm 1969. Bài nghiên cứu của chúng tôi dựa vào nguyên văn các bản Bác viết, có tham khảo thêm bản năm 1969.

Như trên đã nói, văn bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang đậm phong cách chính luận. Vì vậy, bài viết của chúng tôi đi

sâu khai thác giá trị lập luận trong *Di chúc* của Bác. Muốn vậy, chúng ta phải xem xét nhiều nhân tố góp phần làm nên tổng thể văn bản: ngôn ngữ, cấu trúc văn bản, cấu trúc lập luận và giá trị ngữ nghĩa của văn bản đem lại.

“Lập luận (argumentation) là một hoạt động ngôn từ. Bằng công cụ ngôn ngữ, người nói đưa ra những lý lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một hệ thống xác tín nào đó: rút ra một (một số) kết luận hay chấp nhận một (một số) kết luận nào đó”². Về cơ bản, mọi sản phẩm ngôn ngữ khi được hiện thực hoá trong giao tiếp đều hướng tới lập luận. Mỗi phát ngôn (utterance), mỗi mệnh đề, mỗi câu (sentence) đều biểu thị một phán đoán. Các phán đoán kết hợp sẽ tạo nên lập luận. Phát ngôn “Nếu bệ hạ muốn hàng xin hãy chém đầu tôi đi đã” là một câu ghép, có 2 mệnh đề, liên kết theo quan hệ kéo theo ($A \rightarrow B$), làm thành một lập luận hoàn chỉnh. Lập luận được xây dựng trên cơ sở luận cứ (argument). Lập luận trong câu, chẳng hạn “Nếu trời mưa thì đường lầy” được thiết lập từ 1 luận cứ. Lập luận càng nhiều luận cứ càng có giá trị xác tín và có hiệu quả thuyết phục cao.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh bao gồm nhiều nội dung, nhiều luận cứ. Bởi vấn đề Bác gửi gắm lại cho toàn dân là khá nhiều, có tính bao quát, rất hệ trọng và thiết thực. Qua khảo sát, ta có thể phân chia ra các “khối” văn bản cụ thể (trong *Di chúc*):

* Phần mở đầu (Lý do viết *Di chúc*)

* Phần nội dung chính:

- Phần nói về Đảng;

- Phần nói về nhân dân;

- Phần nói về cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước;

- Phần nói về phong trào cộng sản thế giới;

- Phần nói về việc riêng;

* Phần kết.

Bây giờ chúng ta thử phân tích cấu trúc lập luận của một số đoạn tiêu biểu trong *Di chúc* để làm rõ ý định truyền đạt của Bác:

Phần mở đầu là đoạn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh viết và sửa lại nhiều nhất, chủ yếu là để “cập nhật” cho phù hợp với diễn biến thời gian. Bác đã linh cảm đến ngày “đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác” ngay khi chuẩn bị mừng thọ Người 75 tuổi (1965). Đọc kỹ, ta thấy sự cân nhắc của Người là có lý. Người đã cố chọn một cách “vào đề” phù hợp nhất để “vào cuộc trường sinh nhẹ cánh bay” (Tố Hữu). Có thể cấu trúc hoá phần Mở đầu như sau:

- Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước chắc chắn sẽ thắng lợi, dù còn gặp nhiều khó khăn;

- Nếu việc (thắng lợi cuối cùng) đó diễn ra thì theo lẽ thường hợp lý nhất, trọn vẹn nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ đi thăm quân dân hai miền Nam-Bắc và cảm ơn, đáp lễ bè bạn khắp năm châu;

- Tuy nhiên, hiện tại tuổi của Bác đã cao, rất có thể phải “ra đi” bất thường, không ai đoán trước, biết trước;

- Vậy Người cần phải chuẩn bị sẵn những lời căn dặn (cho mọi người “khỏi cảm thấy đột ngột”, và như thế mới chu đáo, trọn vẹn...).

Vào những năm 60 của thế kỷ 20, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của chúng ta còn rất ác liệt, vai trò của Hồ Chủ tịch và của Đảng là rất lớn. Hầu như ít có ai nghĩ tới việc Bác qua đời và hình dung nỗi cảnh tượng Bác qua đời. Bác là ngọn cờ chỉ lối, là niềm tin, là lãnh tụ tối cao, có khả năng tập hợp sức mạnh toàn dân: “Hồ Chí Minh - Người ở khắp nơi nơi” (Tố Hữu). Có lẽ Bác không tự đề cao mình quá mức nhưng từ sâu thẳm tình cảm, Bác cũng hình dung ra tác động của sự mất mát đó. Vì vậy mà ngay từ lời đầu tiên, Người đã khẳng định một niềm tin như chân lý để toàn dân vững tâm: “Cuộc chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hi sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn”³.

Câu “Đó là một điều chắc chắn” được xuống dòng, đặt riêng một đoạn, tạo nên một ấn tượng cảm nhận và giá trị khẳng định cao hơn hẳn. Bác muốn truyền một sự tin tưởng tuyệt đối cho nhân dân. Điều này không còn phải nghi ngờ. Đó sẽ là nền tảng đoàn kết làm nên sức mạnh toàn dân đi đến cùng trong cuộc kháng chiến trường kỳ.

Nói đến việc ra đi (điều mà toàn dân và cả chính bản thân Người không ai muốn), Bác đã nhẹ nhàng, làm “mềm hoá” vấn đề bằng việc dẫn thơ của Đỗ Phủ, nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc thời nhà Đường: “Nhân sinh thất thập cổ lai hi”. Việc dẫn đó là Bác muốn nhấn mạnh “thọ tới 79 tuổi (như Bác) thuộc diện “hiếm” đối với mọi người. Người đã vượt “ngưỡng” của tuổi thọ”; “Bản thân Người tuy tuổi cao nhưng vẫn sáng suốt, minh mẫn (đó là điều thật quý giá)”; “Nhưng dù sao thì việc ra đi bất

thường (của Người) là rất có thể xảy ra”; “Vì vậy, việc viết “mấy lời này” là cần thiết”. Theo chúng tôi, đây là một đoạn mở đầu đơn giản, độc đáo, đậm chất nhân văn và có sức thuyết phục cao, làm lay động lòng người. Sờ dĩ có được điều này bởi cách nói của Bác rất “có lý, có tình”. Có lý là đoạn văn được viết một cách logic, có tính lập luận. Còn có tình thì rõ ràng ai cũng nhận thấy, qua mỗi câu, mỗi chữ đều toát lên tình cảm thiết tha của Người.

Phần nói về Đảng trong *Di chúc* không dài nhưng thể hiện một cách cô đọng nhất tư tưởng của Bác với tư cách một lãnh tụ. Phần này chia thành 3 khối:

- Nói về vai trò của Đảng (trong sự nghiệp chung của Đất nước);

- Nói về trách nhiệm của Đảng trước nhân dân;

- Nói về sự đoàn kết (làm nên sức mạnh) của Đảng.

Sợ chỉ đó xuyên suốt trong quan điểm của Bác khi nói về Đảng chính là vấn đề đoàn kết. Đây cũng là vấn đề cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà mọi người Việt Nam đều thấm nhuần: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Ta thấy vấn đề đoàn kết liên quan tới một loạt nội dung sau đó Bác có đề cập tới (cuộc kháng chiến chống Mĩ, nhân dân lao động, phong trào công sản thế giới...). Lập luận cơ bản Người đưa ra là:

- Đoàn kết là một truyền thống làm nên sức mạnh;

- Đảng ta đã biết đoàn kết (tận dụng sức mạnh này) và cho đến nay đã đạt được những thành tựu nhất định;

- Nội dung của đoàn kết là biết “thực hành dân chủ rộng rãi”, biết “phê bình và tự phê bình”, biết “thấm nhuần đạo đức cách mạng, chí công vô tư”, và phải “có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”...

- Đảng phải biết tiếp tục phát huy, giữ gìn sự đoàn kết “như giữ gìn con người của mắt mình”.

Trong *Di chúc* của Bác, có nhiều phương tiện liên kết được sử dụng. Trong bài này, tôi chỉ thử phân tích một số ví dụ về phép lặp trong mạch văn lập luận của Hồ Chí Minh. Chẳng hạn, ở đoạn nói về “cuộc kháng chiến chống Mĩ”, sau khi nói về sự khó khăn, gian khổ và dẫn 2 câu thơ, Bác viết: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mĩ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”⁴. Bác đã sử dụng phép lặp kép (lặp cấu trúc cú pháp và lặp từ vựng). Trong lập luận, phép lặp được sử dụng khá phổ biến. Nó không chỉ tạo ra sức thuyết phục cao mà còn làm cho mạch văn thêm hùng hồn, trôi chảy, dễ đọc, dễ nhớ... nhờ các thao tác liên tưởng hồi chỉ (anaphora), phục hồi. Ngay cả đoạn trên nói về Đảng, ta cũng thấy nhiều đoạn được lặp có chủ ý: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đứng đầu thật trung thành của nhân dân”⁵. Đây thực sự là những áng văn thể hiện tư tưởng, cốt cách Hồ Chí Minh. Cách lập tạo nên nhịp điệu hùng hồn, làm cho sức lan toả của văn bản rộng hơn, người

đọc dễ nhập tâm và hiệu ứng ngữ nghĩa cũng cao hơn.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không dài nhưng nó mãi mãi được coi là một văn bản đặc biệt: đặc biệt về ý nghĩa, cách viết, cấu trúc và cách sử dụng ngôn từ của Bác. Sau hơn 50 năm đọc lại *Di chúc* của Người, ta vẫn thấy xúc động và thấm thía. Người ta thường nói “những cái gì hay thì luôn luôn mới”. *Di chúc* của Bác Hồ thực sự luôn luôn mới, luôn luôn có giá trị với mọi thế hệ, mọi thời đại của dân tộc Việt Nam. *Di chúc*, trong mọi nơi mọi lúc, ta đọc lại vẫn như văng bèn tai “lời non nước, núi sông”. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (1993), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, NXB. Giáo dục.
2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, 1990.
3. *Hồ Chí Minh tuyển tập*, tập 1 & 2, NXB Sự thật, 1980.
4. Searle J. R (1972), *Les actes de Langage (Các hành vi ngôn ngữ)*, Minuit, Paris.

Chú thích:

¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà Văn hoá lớn (Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế nhân 100 năm sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), NXB Khoa học xã hội, 1990.

² Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, Tập 1, NXB Giáo dục, tr. 165.

³ Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà Văn hoá lớn, tđđd, tr. 35.

⁴ Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà Văn hoá lớn, tđđd, tr. 25.

⁵ Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà Văn hoá lớn, tđđd, tr. 24.